

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VẠN NINH  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 15 tháng 8 năm 2022  
V/v: Ly hôn, nuôi con chung  
và cấp dưỡng nuôi con chung

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH - TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Ảnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Thạch Nguyễn Mai Thiện Bảo
2. Ông Nguyễn Trường Sinh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Phan Ngọc Anh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Duy Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 115/2022/TLST-HNGĐ 01 tháng 6 năm 2022, về việc “ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐST - HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Ngọc A - Sinh năm: 1989; trú tại: Thôn Đ, xã V, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị B - Sinh năm: 1994; trú tại: Thôn Đ, xã V, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 21.3.2022 và các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc A trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc A và chị Nguyễn Thị B tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 56/2015 do Ủy ban nhân dân xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh cấp ngày 02/12/2015.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thiếu tin tưởng, không tôn trọng nhau, thường xuyên cãi vã nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Chị B mỗi khi giận dữ thì bỏ nhà đi, không liên lạc với anh A. Đến tháng 6/2019 thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, chị B dẫn theo các con về nhà mẹ đẻ sinh sống, khoảng 01 tháng một lần mới đưa các con về nhà cho anh A thăm. Anh Nguyễn Ngọc A xác định mâu thuẫn giữa anh A và chị B rất trầm trọng, không thể sống chung với nhau được.

Anh Nguyễn Ngọc A yêu cầu Tòa án giải quyết: Cho Nguyễn Ngọc A được ly hôn với chị Nguyễn Thị B.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc H - sinh ngày 10/10/2015 và Nguyễn Thị Thu C - sinh ngày 07/02/2019, hiện nay do chị B trực tiếp nuôi dưỡng,

Anh Nguyễn Ngọc A yêu cầu Tòa án giải quyết: Anh Nguyễn Ngọc A giao cho chị Nguyễn Thị B được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các con lần lượt đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/tháng/con x 02 con = 2.000.000đồng, cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Ngọc A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ của ai, không ai nợ của vợ chồng.

\* Tại Đơn xin vắng mặt tại phiên họp hòa giải, phiên tòa xét xử đã gửi đến Tòa án ngày 19.7.2022 của bị đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Ngọc A vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hòa giải được.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc H – sinh ngày 10/10/2015 và Nguyễn Thị Thu C – sinh ngày 07/02/2019, chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con cho đến khi trưởng thành. Chị B yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/tháng/con x 02 con = 2.000.000đồng, cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn chị Nguyễn Thị B để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng chị B đều không có mặt. Chị B có đơn xin vắng mặt tại phiên họp hòa giải, phiên tòa xét xử ngày 19 tháng 7 năm 2022, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị B trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Ngọc A yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị B, trú tại: Thôn Đ, xã V, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa, nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28, điều a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án Hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Bị đơn chị Nguyễn Thị B có yêu cầu đề nghị xét xử vắng mặt nên theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Nguyễn Thị B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của anh Nguyễn Ngọc A, lời khai của chị Nguyễn Thị B, biên bản xác minh thì anh Anh và chị B kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 56/2015 do Ủy ban nhân dân xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh cấp ngày 02/12/2015 nên quan hệ hôn nhân giữa anh A và chị B là hợp pháp.

Xét yêu cầu của anh Nguyễn Ngọc A yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị B và căn cứ vào lời trình bày trong đơn xin vắng tại phiên họp hòa giải, phiên tòa xét xử thì chị Nguyễn Thị B đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Ngọc A. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị B đều không có mặt để hòa giải. Nên có cơ sở để khẳng định tình cảm vợ chồng giữa anh A, chị B đã xảy ra mâu thuẫn nhưng cả hai người không tìm được giải pháp nào để tiếp tục sống chung với nhau, tình trạng hôn nhân giữa hai vợ chồng đã mâu thuẫn trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, nên chấp nhận yêu cầu của anh A cho anh A được ly hôn với chị B là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc H – sinh ngày 10/10/2015 và Nguyễn Thị Thu C – sinh ngày 07/02/2019, hiện nay do chị B trực tiếp nuôi dưỡng,

Anh Nguyễn Ngọc A giao cho chị Nguyễn Thị B được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các con lần lượt đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con cho đến khi trưởng thành, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với đạo đức xã hội nên giao cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 (hai) con chung cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Chị B yêu cầu anh Nguyễn Ngọc A cấp dưỡng nuôi con  $1.000.000 \text{ đồng/tháng/con} \times 02 \text{ con} = 2.000.000 \text{ đồng/tháng/} 02 \text{ con}$ , cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Ngọc A đồng ý cấp dưỡng nuôi con  $1.000.000 \text{ đồng/tháng/con} \times 02 \text{ con} = 2.000.000 \text{ đồng/tháng/} 02 \text{ con}$ , cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi. Nên buộc anh A phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung cho chị Nguyễn Thị B chăm sóc, nuôi dưỡng, mỗi con 1.000.000 đồng (một triệu)/tháng, 02 con là 2.000.000 đồng (hai triệu)/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 15.9.2022 cho đến khi 02 con chung lần lượt trưởng thành (đủ 18 tuổi).

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Nợ chung: Vợ chồng thống nhất xác nhận không nợ chung của ai, không ai nợ chung của vợ chồng.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1 - Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Ngọc A và chị Nguyễn Thị B được ly hôn.

2 - Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

- Giao cho chị Nguyễn Thị B được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 (hai) con chung là Nguyễn Thị Ngọc H – sinh ngày 10 tháng 10 năm 2015 và Nguyễn Thị Thu C – sinh ngày 07 tháng 02 năm 2019 cho đến khi hai con lần lượt trưởng thành (đủ 18 tuổi).

- Anh Nguyễn Ngọc A phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung cho chị Nguyễn Thị B chăm sóc, nuôi dưỡng, mỗi con 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng, 02 con là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 15.9.2022 cho đến khi 02 con chung lần lượt trưởng thành (đủ 18 tuổi).

*Quy định:* Kể từ có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết anh A, chị B có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như về cấp dưỡng nuôi con chung.

3 - Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4 - Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Ngọc A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003417 ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh; anh A đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Ngọc A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Vạn Ninh;
- Chi cục THADS huyện Vạn Ninh;
- UBND xã Vạn Thạnh;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**( Đã ký)**

**Nguyễn Ngọc Ảnh**